**Phần I.**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG;**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang)*

**1. Danh mục TTHC mới ban hành**

| **TT** | **Mã số TTHC** | **Tên TTHC** | **Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật** | **Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh** | **Cách thức thực hiện** | **Địa điểm thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Căn cứ pháp lý cho việc công bố** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* |
| **A** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH** | | | | | | | |
| **I** | **Lĩnh vực: Tài nguyên nước** | | | | | | | |
| 1 | 1.012500 | Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước | 23 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 23 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Không | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 2 | 1.012501 | Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ | 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Không |
| 3 | 1.012502 | Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch[[1]](#footnote-1) | 14 ngày | 14 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã hoặc Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  *Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp tờ khai cho UBND cấp xã thì UBND cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai đăng ký cho Sở Tài nguyên và Môi trường.*  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Không |
| 4 | 1.012503 | Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất | 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ | 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Không | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 5 | 1.012504 | Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất | 30 ngày | 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Không |
| 6 | 1.012505 | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền | 26 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 26 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Không | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |

**2. Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung**

| **TT** | **Mã TTHC** | **Tên TTHC** | **Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật** | **Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh** | **Cách thức thực hiện** | **Địa điểm thực hiện** | **Phí, lệ phí** | **Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* |
| **A** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH** | | | | | | | |
| **I** | **Lĩnh vực: Tài nguyên nước** | | | | | | | |
| 1 | 1.004232 | Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm | 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 45 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Theo quy định tại Nghị quyết số 80/2017/  NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 2 | 1.004228 | Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm | 38 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 38 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Theo quy định tại Nghị quyết số 80/2017/  NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 3 | 1.004223 | Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm | 45 ngày,  kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 45 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Theo quy định tại Nghị quyết số 80/2017/  NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 4 | 1.004211 | Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm | 38 ngày,  kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 38 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Theo quy định tại Nghị quyết số 80/2017/  NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 5 | 1.004122 | Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ | 24 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 24 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Theo quy định tại Nghị quyết HĐND tỉnh | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 6 | 2.001738 | Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ | 17 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 17 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Theo quy định tại Nghị quyết HĐND tỉnh | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 7 | 1.004253 | Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ | 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Không | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 8 | 1.009669 | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành | 26 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 26 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Không | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 9 | 2.001770 | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành | Theo thời gian giải quyết của hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước, trong đó:  - 45 ngày *(trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước)*;  - 38 ngày *(trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước)* | Theo thời gian giải quyết của hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước, trong đó:  - 45 ngày *(trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước)*;  - 38 ngày *(trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước)* | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Không | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 10 | 1.004283 | Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước | 21 ngày | 21 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Không | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 11 | 1.011516 | Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển[[2]](#footnote-2) | 14 ngày.  Riêng với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trong vòng 28 ngày | 14 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.  Riêng với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trong vòng 28 ngày | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã hoặc Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  *Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp tờ khai cho UBND cấp xã thì UBND cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai đăng ký cho Sở Tài nguyên và Môi trường.*  - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Không | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |

**3. Danh mục TTHC thay thế**

| **TT** | **Mã TTHC** | **Tên TTHC được thay thế** | **Tên TTHC thay thế** | **Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật** | **Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh** | **Cách thức thực hiện** | **Địa điểm thực hiện** | **Phí, lệ phí (nếu có)** | **Căn cứ pháp lý cho việc thay thế** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* |
| **A** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH** | | | | | | | | |
| **I** | **Lĩnh vực: Tài nguyên nước** | | | | | | | | |
| 1 | 1.004179 | Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm | Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024) | 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 45 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Theo quy định tại Nghị quyết HĐND tỉnh | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 2 | 1.004167 | Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác dưới 2 m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2 m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm | Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển | 38 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 38 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Theo quy định tại Nghị quyết số 80/2017/  NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 3 | 1.011518 | Trả lại giấy phép tài nguyên nước | Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước | 23 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 23 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Không | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 4 | 1.000824 | Cấp lại giấy phép tài nguyên nước | Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước | 17 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | 17 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (toàn trình) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Theo quy định tại Nghị quyết số 80/2017/  NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 5 | 2.001850 | Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi | Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện | 49 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | 49 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Không | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 6 | 1.001740 | Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m³/giây trở lên | Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | 56 ngày | 56 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | - Kinh phí tổ chức lấy ý kiến: Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| **B** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN** | | | | | | | | |
| **I** | **Lĩnh vực: Tài nguyên nước** | | | | | | | | |
| 1 | 1.001662 | Đăng ký khai thác nước dưới đất[[3]](#footnote-3) | Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất | 14 ngày | 14 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã/ huyện.  *Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp cho UBND cấp xã thì UBND cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai cho UBND cấp huyện.*  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | Không | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 2 | 1.001645 | Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m³/giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m³/ngày đêm trở lên | Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện) | 42 ngày | 42 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trực tiếp hoặc Bưu chính hoặc Dịch vụ công trực tuyến (một phần) | - Trực tiếp hoặc Dịch vụ bưu chính: Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp huyện.  - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | - Kinh phí tổ chức lấy ý kiến: Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |

**4. Danh mục TTHC bị bãi bỏ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Căn cứ pháp lý cho việc bãi bỏ TTHC** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* |
| **A** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH** | | |
| **I** | **Lĩnh vực: Tài nguyên nước** | | |
| 1 | 1.011517 | Đăng ký khai thác nước dưới đất | - Luật Tài nguyên nước năm 2023.  - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.  - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |

**PHẦN II. QUY TRÌNH LIÊN THÔNG**

**GIỮA CÁC CƠ QUAN THAM GIA GIẢI QUYẾT TTHC**

**TRONG CÙNG BỘ TTHC**

**A. TTHC LIÊN THÔNG CẤP TỈNH**

**I. Lĩnh vực: Tài nguyên nước**

**1. Thủ tục:** **Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra và tổ chức thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh trong thời hạn 17,5 ngày:  - Trường hợp không đủ điều kiện để chấp thuận thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo rõ lý do bằng văn bản.  - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường. | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Quyết định chấp thuận tạm dừng hiệu lực Giấy phép khai thác tài nguyên nước của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét quyết định chấp thuận tạm dừng hiệu lực Giấy phép khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 05 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Tạm dừng hiệu lực giấy phép giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*)  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Tạm dừng hiệu lực giấy phép giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**2.** **Thủ tục:** **Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch**

**\* Trường hợp nộp hồ sơ tại UBND cấp xã:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của UBND cấp xã gửi lên; kiểm tra và tổ chức thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh: trong thời hạn 8,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Giấy xác nhận đăng ký sử dụng nước mặt của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 3*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét xác nhận đăng ký sử dụng mặt nước; đăng ký đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch theo Mẫu 33 và Mẫu 34 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 05 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Đăng ký sử dụng mặt nước; đăng ký đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch theo Mẫu 33 và Mẫu 34 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 4*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*)  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Đăng ký sử dụng mặt nước; đăng ký đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch theo Mẫu 33 và Mẫu 34 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**\* Trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra và tổ chức thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh: trong thời hạn 8,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Giấy xác nhận đăng ký sử dụng nước mặt của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét xác nhận đăng ký sử dụng mặt nước; đăng ký đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch theo Mẫu 33 và Mẫu 34 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 05 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Đăng ký sử dụng mặt nước; đăng ký đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch theo Mẫu 33 và Mẫu 34 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*)  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Đăng ký sử dụng mặt nước; đăng ký đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch theo Mẫu 33 và Mẫu 34 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**3. Thủ tục:** **Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra và tổ chức thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh: trong thời hạn 18,5 ngày.  + Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho chủ giấy phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản;  + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện thì Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho chủ giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày.  + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 07 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành theo Mẫu 58 tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*)  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành theo Mẫu 58 tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**4. Thủ tục:** **Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra và tổ chức thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh trong thời hạn 37,5 ngày:  Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thẩm định hồ sơ; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.  Đối với công trình thăm dò, khai thác nước dưới đất nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thì Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về tác động của việc khai thác nước dưới đất của công trình đề nghị cấp phép đến an toàn công trình thủy lợi.  + Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản.  + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án. Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.  + Trường hợp phải lập lại đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị cấp phép. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Giấy phép thăm dò nước dưới đất của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét quyết định cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m3/ngày đêm theo Mẫu 19 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 07 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m3 /ngày đêm theo Mẫu 19 Phụ lục I ban hành k m theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*)  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m3 /ngày đêm theo Mẫu 19 Phụ lục I ban hành k m theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**5.** **Thủ tục: Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra và tổ chức thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh trong thời hạn 30,5 ngày:  Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép và thẩm định hồ sơ; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định báo cáo; tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.  + Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gia hạn, điều chỉnh giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản.  + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo.  Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.  + Trường hợp phải lập lại báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép nêu rõ những nội dung báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Giấy phép gia hạn/điều chỉnh thăm dò nước dưới đất của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét quyết định gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m3/ngày đêm theo Mẫu 20 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 07 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất theo Mẫu 20 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*)  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất theo Mẫu 20 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**6.** **Thủ tục: Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra, tổ chức thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh trong thời hạn 37,5 ngày:  Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thẩm định hồ sơ; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định báo cáo, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.  Đối với công trình thăm dò, khai thác nước dưới đất nằm trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thì Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi về tác động của việc khai thác nước dưới đất của công trình đề nghị cấp phép đến an toàn công trình thủy lợi.  + Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản.  + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo.  Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.  + Trường hợp phải lập lại báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị cấp phép. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Giấy phép khai thác nước dưới đất của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét quyết định cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m3/ngày đêm theo Mẫu 21 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 07 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m3 /ngày đêm theo Mẫu 21 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*)  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m3 /ngày đêm theo Mẫu 21 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**7. Thủ tục: Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra, tổ chức thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh trong thời hạn 30,5 ngày:  Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép và thẩm định hồ sơ; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định báo cáo; tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.  + Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gia hạn, điều chỉnh giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản.  + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo.  Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.  + Trường hợp phải lập lại báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép nêu rõ những nội dung báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Giấy phép gia hạn, điều chỉnh khai thác nước dưới đất của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét quyết định cấp gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất theo Mẫu 22 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 07 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất theo Mẫu 22 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*)  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất theo Mẫu 22 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**8. Thủ tục: Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra, tổ chức thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh trong thời hạn 18,5 ngày:  + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho chủ giấy phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản;  + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện thì Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho chủ giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành theo Mẫu 58 tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 07 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành theo Mẫu 58 tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*)  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành theo Mẫu 58 tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**9. Thủ tục: Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra, tổ chức thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh: trong thời hạn 37,5 ngày *(trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước);* trong thời hạn 30,5 ngày *(trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước).*  Việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện đồng thời với việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành theo Mẫu 58 tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 07 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành theo Mẫu 58 tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhận bản chính văn bản giấy và nhận kết quả tại nhà qua dịch vụ bưu chính.  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành theo Mẫu 58 tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**10. Thủ tục: Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra, tổ chức thẩm định hồ sơ (nếu cần thiết thì thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước), trình UBND tỉnh trong thời hạn 15,5 ngày:  + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho chủ giấy phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản.  + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện thì Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho chủ giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 58 tại Phụ lục III Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 05 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 58 tại Phụ lục III Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhận bản chính văn bản giấy và nhận kết quả tại nhà qua dịch vụ bưu chính.  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 58 tại Phụ lục III Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**11. Thủ tục: Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển**

**\* Trường hợp nộp hồ sơ tại UBND cấp xã:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của UBND cấp xã gửi; kiểm tra, tổ chức thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh: trong thời hạn 8,5 ngày.  - Riêng với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thì thời hạn kiểm tra, thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh trong vòng 22,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Giấy xác nhận đăng ký khai thác nước mặt của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 3*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét xác nhận đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt theo Mẫu 32 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 05 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển theo Mẫu 32 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 4*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhận bản chính văn bản giấy và nhận kết quả tại nhà qua dịch vụ bưu chính.  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển theo Mẫu 32 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**\* Trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra, tổ chức thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh: trong thời hạn 8,5 ngày.  - Riêng với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thì thời hạn kiểm tra, thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh trong vòng 22,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Giấy xác nhận đăng ký khai thác nước mặt của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét xác nhận đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt theo Mẫu 32 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 05 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển theo Mẫu 32 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhận bản chính văn bản giấy và nhận kết quả tại nhà qua dịch vụ bưu chính.  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển theo Mẫu 32 tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**12. Thủ tục: Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra, tổ chức thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh trong thời hạn 37,5 ngày:  Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thẩm định hồ sơ; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.  + Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản.  + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án.  Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.  + Trường hợp phải lập lại đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị cấp phép. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Giấy phép khai thác nước mặt của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét quyết định cấp giấy phép khai thác nước mặt (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP) theo Mẫu 23 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 07 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Cấp giấy phép khai thác nước mặt (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP) theo Mẫu 23 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*).  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Cấp giấy phép khai thác nước mặt (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP) theo Mẫu 23 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**13. Thủ tục: Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra, tổ chức thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh trong thời hạn 30,5 ngày:  + Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép và thẩm định hồ sơ; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.  + Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gia hạn, điều chỉnh giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản.  + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án. Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.  + Trường hợp phải lập lại đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép nêu rõ những nội dung đề án chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Giấy phép khai thác nước mặt (gia hạn/điều chỉnh) của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét quyết định gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt theo Mẫu 24 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 07 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt theo Mẫu 24 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*).  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt theo Mẫu 24 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**14.** **Thủ tục: Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra, tổ chức thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh trong thời hạn 17,5 ngày:  + Trường hợp đủ điều kiện để chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quyết định; trường hợp không đủ điều kiện để chấp thuận thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo rõ lý do bằng văn bản. + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Quyết định trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét quyết định chấp thuận trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 27 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 05 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Chấp thuận trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 27 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhận bản chính văn bản giấy và nhận kết quả tại nhà qua dịch vụ bưu chính.  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Chấp thuận trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 27 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**15.** **Thủ tục: Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra, tổ chức thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh trong thời hạn 11,5 ngày:  + Trường hợp đủ điều kiện để cấp lại, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp lại giấy phép;  + Trường hợp không đủ điều kiện để cấp lại giấy phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Quyết định Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét quyết định cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 20, Mẫu 22, Mẫu 24, Mẫu 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 05 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 20, Mẫu 22, Mẫu 24, Mẫu 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhận bản chính văn bản giấy và nhận kết quả tại nhà qua dịch vụ bưu chính.  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 20, Mẫu 22, Mẫu 24, Mẫu 26 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**16. Thủ tục: Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:*** Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra hồ sơ; lấy ý kiến của Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hồ chứa, các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần thiết thì tiến hành tổ chức kiểm tra thực địa, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa); tổng hợp ý kiến, tham mưu trình UBND tỉnh trong thời hạn 41,5 ngày, trong đó:  + Các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 07 ngày làm việc.  + Tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa có trách nhiệm tiếp thu, giải trình các ý kiến, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện phương án không tính vào thời gian thẩm định phương án.  + Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại phương án cho tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa và thông báo bằng văn bản cho tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa biết và nêu rõ lý do. | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường. | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo Quyết định phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét quyết định phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 07 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục là Quyết định phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*).  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục là Quyết định phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**17. Thủ tục: Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:***Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; kiểm tra, thẩm định hồ sơ; tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp, đối thoại trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng; tổng hợp ý kiến trình UBND tỉnh: trong thời hạn 48,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh *(số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang).* | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường | Bản chính văn bản giấy | Văn bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Dự thảo văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý cho tổ chức, cá nhân đầu tư dự án của UBND tỉnh | Bản dự thảo văn bản giấy | Bản dự thảo điện tử | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận của tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ, xem xét phê duyệt văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý và gửi kết quả cho Sở Tài nguyên và Môi trường để trả cho tổ chức, cá nhân. Trong trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do: 07 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích*: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả của thủ tục là Văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang (*số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*).  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả của thủ tục là Văn bản tổng hợp các ý kiến góp | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**B. TTHC LIÊN THÔNG CẤP HUYỆN**

**I. Lĩnh vực: Tài nguyên nước**

**1. Thủ tục: Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất**

**\* Trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp xã:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:*** UBND cấp xã tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân; chuyển hồ sơ cho UBND cấp huyện (Phòng Tài nguyên và Môi trường) thẩm định. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích*: Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp huyện. | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ khai đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất của tổ chức, cá nhân | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| ***Bước 2:***Phòng Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định hồ sơ trình UBND huyện: trong thời hạn 10,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp:* Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện. | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Tờ khai đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất của tổ chức, cá nhân | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 3*:** UBND huyện xem xét, ký xác nhận tờ khai; chuyển kết quả cho Phòng Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày. Trường hợp không đồng ý, phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp:* Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện. | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả thủ tục hành chính xác nhận tờ khai đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất theo Mẫu 13, Mẫu 14 phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 4*:** Phòng Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: trong thời hạn 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện.  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả thủ tục hành chính xác nhận tờ khai đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất theo Mẫu 13, Mẫu 14 phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**\* Trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp huyện:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Bước 1:*** Phòng Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ của UBND cấp xã; kiểm tra, thẩm định hồ sơ; trình UBND huyện: trong thời hạn 10,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp:* Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện. | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Tờ trình | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |
| 2 | Tờ khai đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất của tổ chức, cá nhân | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số hoặc hồ sơ số hoá | 01 |
| *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ. | | | | |
| ***Bước 2*:** UBND huyện xem xét, ký xác nhận tờ khai; chuyển kết quả cho Phòng Tài nguyên và Môi trường: 03 ngày. Trường hợp không đồng ý, phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin GQTTHC tỉnh. | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp:* Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện. | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* |
| 1 | Kết quả thủ tục hành chính xác nhận tờ khai đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất theo Mẫu 13, Mẫu 14 phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản. |
| ***Bước 3*:** Phòng Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định: trong thời hạn 0,5 ngày. | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến. | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính công ích: Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện.  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (dichvucong.hagiang.gov.vn). | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* |
| 1 | Kết quả thủ tục hành chính xác nhận tờ khai đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất theo Mẫu 13, Mẫu 14 phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | 01 |

**2. Thủ tục: Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1:** Phòng Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân, kiểm tra hồ sơ; tham mưu tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp, đối thoại trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng; tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân huyện: trong thời hạn 38 ngày. | | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. | | | | | | | |
| *Địa điểm gửi hồ sơ trực tiếp:* Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện. | | | | | | | |
| *Thành phần hồ sơ:* | | | | | | | |
| **STT** | **Tên thành phần hồ sơ** | | **Tiêu chuẩn hồ sơ** | | | | **Số lượng** |
| *Gửi trực tiếp* | | *Gửi liên thông qua HTTTGQ TTHC* | |
| 1 | Tờ trình (kèm theo Dự thảo Văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý) | | Bản chính văn bản giấy | | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 2 | Văn bản góp ý và tổng hợp tiếp thu, giải trình | | Bản chính văn bản giấy | | Bản điện tử được ký số | | 01 |
| 3 | Hồ sơ đã tiếp nhận tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. | | Bản chính hoặc bản sao văn bản giấy | | Bản điện tử được ký số hoặc Hồ sơ số hóa | | 01 |
| *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ. | | | | | | | |
| **Bước 2:** UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt Văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý, trả kết quả cho Phòng Tài nguyên và Môi trường: trong thời hạn 3,5 ngày. Trường hợp không đồng ý phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do. | | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc gửi liên thông qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. | | | | | | | |
| *Địa điểm gửi kết quả trực tiếp:* Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện. | | | | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | | | | |
| **STT** | **Tên kết quả TTHC** | | **Tiêu chuẩn kết quả** | | | **Số lượng** | |
| *Gửi trực tiếp* | *Gửi liên thông qua HTTTGQ*  *TTHC* | |
| 1 | Kết quả của thủ tục là Văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý | | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | Bản giấy: 02 bản; bản điện tử: 01 bản | |
| **Bước 3:** Phòng Tài nguyên và Môi trường trả kết quả cho tổ chức, cá nhân đầu tư dự án: trong thời hạn 0,5 ngày. | | | | | | | |
| *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính hoặc dịch vụ công trực tuyến. | | | | | | | |
| *Địa điểm trả kết quả:*  - Trực tiếp hoặc qua Dịch vụ Bưu chính: Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.  - DVC trực tuyến: Qua tài khoản của công dân trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>). | | | | | | | |
| *Kết quả giải quyết:* | | | | | | | |
| **STT** | | **Tên kết quả TTHC** | **Tiêu chuẩn kết quả** | | | | **Số lượng** |
| *Trả trực tiếp hoặc qua Dịch vụ bưu chính* | *Trả trực tuyến* | | |
| 1 | | Kết quả của thủ tục là Văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý | Bản chính văn bản giấy | Bản điện tử được ký số | | | 01 |

**Phần III.**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC**

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**1. Các TTHC áp dụng quy trình 08 ngày làm việc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** |
| 1 | 1.012501 | Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ |
| 2 | 1.004253 | Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ |

**\* Nội dung quy trình:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Nội dung công việc cụ thể** | **Đơn vị/ người thực hiện** | **Thời gian thực hiện (ngày làm việc)** | **Cơ quan phối hợp (nếu có)** |
| **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 2** | Kiểm tra, Thẩm định hồ sơ. | Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) | 05 |  |
| **Bước 3** | Xem xét, trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn | 01 |  |
| **Bước 4** | Phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 5** | Phát hành kết quả | Văn thư Sở | 0,5 |  |
| **Bước 6** | Trả kết quả | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |

**2. Các TTHC áp dụng quy trình 14 ngày**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** |
| 1 | 1.012502 | Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch |
| 2 | 1.011516 | Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển |

**\* Nội dung quy trình:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Nội dung công việc cụ thể** | **Đơn vị/ người thực hiện** | **Thời gian thực hiện (ngày)** | **Cơ quan phối hợp (nếu có)** |
| **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 2** | Kiểm tra, Thẩm định hồ sơ. | Công chức Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn. | 06 |  |
| **Bước 3** | Trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn. | 01 |  |
| **Bước 4** | Trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường | 01 |  |
| **Bước 5** | Phê duyệt và phát hành kết quả | UBND tỉnh | 05 |  |
| **Bước 6** | Trả kết quả | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |

**3. Các TTHC áp dụng quy trình 17 ngày**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** |
| 1 | 2.001738 | Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ |
| 2 | 1.000824 | Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước |

**\* Nội dung quy trình:**

**3.1. Quy trình TTHC: Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Nội dung công việc cụ thể** | **Đơn vị/ người thực hiện** | **Thời gian thực hiện (ngày)** | **Cơ quan phối hợp (nếu có)** |
| **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 2** | Kiểm tra, Thẩm định hồ sơ. | Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) | 14 |  |
| **Bước 3** | Trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn | 01 |  |
| **Bước 4** | Phê duyệt kết quả | Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 5** | Phát hành kết quả | Văn thư Sở | 0,5 |  |
| **Bước 6** | Trả kết quả | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |

**3.2. Quy trình TTHC: Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Nội dung công việc cụ thể** | **Đơn vị/ người thực hiện** | **Thời gian thực hiện (ngày)** | **Cơ quan phối hợp (nếu có)** |
| **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 2** | Kiểm tra, Thẩm định hồ sơ. | Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) | 9,5 |  |
| **Bước 3** | Trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn | 01 |  |
| **Bước 4** | Trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 5** | Phê duyệt và phát hành kết quả | UBND tỉnh | 05 |  |
| **Bước 6** | Trả kết quả | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |

**4. TTHC áp dụng quy trình 21 ngày**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** |
| 1 | 1.004283 | Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước |

**\* Nội dung quy trình:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Nội dung công việc cụ thể** | **Đơn vị/ người thực hiện** | **Thời gian thực hiện (ngày)** | **Cơ quan phối hợp (nếu có)** |
| **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 2** | Kiểm tra, Thẩm định hồ sơ. | Công chức Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn. | 13 |  |
| **Bước 3** | Trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn. | 01 |  |
| **Bước 4** | Trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường | 01 |  |
| **Bước 5** | Phê duyệt và phát hành kết quả | UBND tỉnh | 05 |  |
| **Bước 6** | Trả kết quả | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |

**5. Các TTHC áp dụng quy trình 23 ngày**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** |
| 1 | 1.012500 | Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước |
| 2 | 1.011518 | Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước |

**\* Nội dung quy trình:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Nội dung công việc cụ thể** | **Đơn vị/ người thực hiện** | **Thời gian thực hiện (ngày)** | **Cơ quan phối hợp (nếu có)** |
| **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 2** | Kiểm tra hồ sơ, Thẩm định hồ sơ | Công chức Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn | 15 |  |
| **Bước 3** | Trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn | 01 |  |
| **Bước 4** | Trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường | 01 |  |
| **Bước 5** | Phê duyệt và phát hành kết quả | UBND tỉnh | 05 |  |
| **Bước 6** | Trả kết quả | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |

**6. TTHC áp dụng quy trình 24 ngày**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** |
| 1 | 1.004122 | Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ |

**\* Nội dung quy trình:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Nội dung công việc cụ thể** | **Đơn vị/ người thực hiện** | **Thời gian thực hiện (ngày)** | **Cơ quan phối hợp (nếu có)** |
| **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 2** | Kiểm tra, Thẩm định hồ sơ. | Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn) | 21 |  |
| **Bước 3** | Trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Phòng quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn | 01 |  |
| **Bước 4** | Phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 5** | Phát hành kết quả | Văn thư Sở | 0,5 |  |
| **Bước 6** | Trả kết quả | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |

**7. Các TTHC áp dụng quy trình 26 ngày**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** |
| 1 | 1.012505 | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền |
| 2 | 1.009669 | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành |

**\* Nội dung quy trình:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Nội dung công việc cụ thể** | **Đơn vị/ người thực hiện** | **Thời gian thực hiện (ngày)** | **Cơ quan phối hợp (nếu có)** |
| **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 2** | Kiểm tra, Thẩm định hồ sơ. | Công chức Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn. | 16 |  |
| **Bước 3** | Trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn. | 01 |  |
| **Bước 4** | Trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường | 01 |  |
| **Bước 5** | Phê duyệt và phát hành kết quả | UBND tỉnh | 07 |  |
| **Bước 6** | Trả kết quả | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |

**8. TTHC áp dụng quy trình 28 ngày** .

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** |
| 1 | 1.011516 | Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển *(Riêng với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng)* |

**\* Nội dung quy trình:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Nội dung công việc cụ thể** | **Đơn vị/ người thực hiện** | **Thời gian thực hiện (ngày)** | **Cơ quan phối hợp (nếu có)** |
| **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 2** | Kiểm tra, Thẩm định hồ sơ. | Công chức Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn. | 20 |  |
| **Bước 3** | Trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn. | 01 |  |
| **Bước 4** | Trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường | 01 |  |
| **Bước 5** | Phê duyệt và phát hành kết quả | UBND tỉnh | 05 |  |
| **Bước 6** | Trả kết quả | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |

**9. Các TTHC áp dụng quy trình 30 ngày**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** |
| 1 | 1.012503 | Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất |
| 2 | 1.012504 | Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất |

**\* Nội dung quy trình:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Nội dung công việc cụ thể** | **Đơn vị/ người thực hiện** | **Thời gian thực hiện (ngày)** | **Cơ quan phối hợp (nếu có)** |
| **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 2** | Kiểm tra, Thẩm định hồ sơ. | Công chức Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn. | 25,5 |  |
| **Bước 3** | Xem xét, trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn | 02 |  |
| **Bước 4** | Phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường | 01 |  |
| **Bước 5** | Phát hành kết quả | Văn thư Sở | 0,5 |  |
| **Bước 6** | Trả kết quả | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |

**10. Các TTHC áp dụng quy trình 38 ngày**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** |
| 1 | 1.004228 | Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm |
| 2 | 1.004211 | Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm |
| 3 | 2.001770 | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành *(trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước)* |
| 4 | 1.004167 | Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt |

**\* Nội dung quy trình:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Nội dung công việc cụ thể** | **Đơn vị/ người thực hiện** | **Thời gian thực hiện (ngày)** | **Cơ quan phối hợp (nếu có)** |
| **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 2** | Kiểm tra, Thẩm định hồ sơ. | Công chức Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn. | 28 |  |
| **Bước 3** | Trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn. | 01 |  |
| **Bước 4** | Trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường | 01 |  |
| **Bước 5** | Phê duyệt và phát hành kết quả | UBND tỉnh | 07 |  |
| **Bước 6** | Trả kết quả | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |

**11. Các TTHC áp dụng quy trình 45 ngày**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** |
| 1 | 1.004232 | Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm |
| 2 | 1.004223 | Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm |
| 3 | 2.001770 | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành *(trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước);* |
| 4 | 1.004179 | Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024) |

**\* Nội dung quy trình:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Nội dung công việc cụ thể** | **Đơn vị/ người thực hiện** | **Thời gian thực hiện (ngày)** | **Cơ quan phối hợp (nếu có)** |
| **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 2** | Kiểm tra, Thẩm định hồ sơ. | Công chức Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn. | 35 |  |
| **Bước 3** | Trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn. | 01 |  |
| **Bước 4** | Trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường | 01 |  |
| **Bước 5** | Phê duyệt và phát hành kết quả | UBND tỉnh | 07 |  |
| **Bước 6** | Trả kết quả | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |

**12. TTHC áp dụng quy trình 49 ngày**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** |
| 1 | 2.001850 | Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện |

**\* Nội dung quy trình:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Nội dung công việc cụ thể** | **Đơn vị/ người thực hiện** | **Thời gian thực hiện (ngày)** | **Cơ quan phối hợp (nếu có)** |
| **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 2** | Kiểm tra, Thẩm định hồ sơ. | Công chức Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn. | 39 |  |
| **Bước 3** | Trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn. | 01 |  |
| **Bước 4** | Trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường | 01 |  |
| **Bước 5** | Phê duyệt và phát hành kết quả | UBND tỉnh | 07 |  |
| **Bước 6** | Trả kết quả | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |

**13. TTHC áp dụng quy trình 56 ngày**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** |
| 1 | 1.001740 | Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) |

**\* Nội dung quy trình:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Nội dung công việc cụ thể** | **Đơn vị/ người thực hiện** | **Thời gian thực hiện (ngày)** | **Cơ quan phối hợp (nếu có)** |
| **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |
| **Bước 2** | Kiểm tra, Thẩm định hồ sơ. | Công chức Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn. | 46 |  |
| **Bước 3** | Trình lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn. | 01 |  |
| **Bước 4** | Trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường | 01 |  |
| **Bước 5** | Phê duyệt và phát hành kết quả | UBND tỉnh | 07 |  |
| **Bước 6** | Trả kết quả | Công chức trực Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường | 0,5 |  |

**II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

**1. TTHC áp dụng quy trình 14 ngày**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** |
| 1 | 1.001662 | Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất |

**\* Nội dung quy trình:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Nội dung công việc cụ thể** | **Đơn vị/ người thực hiện** | **Thời gian thực hiện (ngày)** | **Cơ quan phối hợp (nếu có)** |
| **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện trực tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện | 0,5 |  |
| **Bước 2** | Kiểm tra hồ sơ, Thẩm định hồ sơ. | Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện | 08 |  |
| **Bước 3** | Trình UBND huyện phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện | 02 |  |
| **Bước 4** | Phê duyệt kết quả | UBND cấp huyện | 2,5 |  |
| **Bước 5** | Phát hành kết quả | Văn thư UBND huyện | 0,5 |  |
| **Bước 6** | Trả kết quả | Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện trực tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện | 0,5 |  |

**2. TTHC áp dụng quy trình 42 ngày**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** |
| 1 | 1.001645 | Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện) |

**\* Nội dung quy trình:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự công việc** | **Nội dung công việc cụ thể** | **Đơn vị/ người thực hiện** | **Thời gian thực hiện (ngày)** | **Cơ quan phối hợp (nếu có)** |
| **Bước 1** | Tiếp nhận hồ sơ | Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện trực tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện | 0,5 |  |
| **Bước 2** | Kiểm tra hồ sơ, Thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến bằng văn bản, tổ chức cuộc họp làm việc. | Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện | 34,5 | Các cơ quan có liên quan |
| **Bước 3** | Trình UBND huyện phê duyệt kết quả | Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện | 03 |  |
| **Bước 4** | Phê duyệt kết quả | UBND cấp huyện | 03 |  |
| **Bước 5** | Phát hành kết quả | Văn thư UBND huyện | 0,5 |  |
| **Bước 6** | Trả kết quả | Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện trực tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện | 0,5 |  |

1. Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với các hồ sơ tiếp nhận trực tiếp cho phép công dân có quyền lựa chọn nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp tỉnh, cấp xã. [↑](#footnote-ref-1)
2. Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với các hồ sơ tiếp nhận trực tiếp cho phép công dân có quyền lựa chọn nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp tỉnh, cấp xã. [↑](#footnote-ref-2)
3. Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với các hồ sơ tiếp nhận trực tiếp cho phép công dân có quyền lựa chọn nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã [↑](#footnote-ref-3)